

BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT MÔN HỌC - MÔN KIỂM TRA

Năm Học : 2011 - 2012

Lớp Học : N33CKT1

Học Kỳ : 2

Môn Học : Kế toán quản trị

STT	MÃ SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 2						HỆ SỐ 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
1	3352010001	Nguyễn Đình Duy	7	8					8			7.7	7.7			
2	3352010002	Phạm Đào Hoàng Duy	5	2					1	0		2.4	2.4	2.0		
3	3352010043	Phan Thị Xuân Đào	7	5					9			7.3	7.3			
4	3352010003	Võ Thị Diệp	3	3					1	1		2.1	2.1	2.1		
5	3352010004	Nguyễn Thị Hằng	6	7					5			5.9	5.9			
6	3352010005	Đỗ Thị Hạnh	7	5					7			6.4	6.4			
7	3352010006	Hồ Thị Lắm	5	3					10			6.6	6.6			
8	3352010007	Trịnh Thị Liên	8	8					6			7.1	7.1			
9	3352010008	Nguyễn Thị Tố Linh	10	7					8			8.3	8.3			
10	3352010009	Tô Thị Trúc Linh	5	7					9			7.3	7.3			
11	3352010010	Trần Thị Khánh Linh	0	0					0	0		0.0	0.0	0.0		
12	3352010011	Nguyễn Thị Thúy Nga	5	6					6			5.7	5.7			
13	3352010012	Huỳnh Thị Kim Ngân	5	6					2	6		4.0	4.0	5.7		
14	3352010013	Bùi Thị Yến Ngọc	0	0					0	0		0.0	0.0	0.0		
15	3352010014	Châu Thị Kim Ngọc	0	0					0	0		0.0	0.0	0.0		
16	3352010015	Đào Bích Ngọc	7	9					8			8.0	8.0			
17	3352010016	Vũ Tiến Ngọc	5	4					5	6		4.7	4.7	5.1		
18	3352010017	Từ Thị Minh Nguyệt	5	6					7			6.1	6.1			
19	3352010018	Vũ Thị Minh Nguyệt	10	9					10			9.7	9.7			
20	3352010019	Nguyễn Thị Nhị	8	7					5			6.4	6.4			
21	3352010020	Trần Thị Mỹ Nhựt	3	3					1	0		2.1	2.1	1.7		
22	3352010021	Nguyễn Hoàng Oanh	0	0					0	0		0.0	0.0	0.0		
23	3352010022	Nguyễn Thị Mai Phương	6	6					4			5.1	5.1			
24	3352010023	Trần Thị Phương	8	6					5			6.1	6.1			
25	3352010024	Trần Thị Trúc Phương	6	7					2	4		4.6	4.6	5.4		
26	3352010025	Lại Thị Quỳnh	7	7					3			5.3	5.3			
27	3352010026	Đỗ Trọng Sang	6	7					9			7.6	7.6			
28	3352010027	Nguyễn Ngọc Sương	5	6					8			6.6	6.6			
29	3352010028	Thân Thị Đồng Tâm	7	5					5			5.6	5.6			
30	3352010029	Nguyễn Thị Thanh	10	8					10			9.4	9.4			
31	3352010030	Huỳnh Bửu Thành	4	7					4	6		4.9	4.9	5.7		

STT	Mã SV	HỌ & TÊN	HỆ SỐ 2						HỆ SỐ 3			TBM	TKM			GHI CHÚ
			1	2	3	4	5	6	1	2	3		1	2	3	
32	3352010033	Hồ Thị Thu	5	6					4	8		4.9	4.9	6.6		
33	3352010034	Bùi Thị Thuý	7	8					5			6.4	6.4			
34	3352010036	Huỳnh Thị Thủy	7	7					6			6.6	6.6			
35	3352010042	Nguyễn Thị Xuân	10	6					9			8.4	8.4			
36	3352010037	Nguyễn Thị Thơ	9	8					10			9.1	9.1			
37	3352010038	Nguyễn Thị Thương	10	8					8			8.6	8.6			
38	3352010039	Nguyễn Thị Trà	9	8					7			7.9	7.9			
39	3352010040	Nguyễn Thị Yên	6	3					6			5.1	5.1			
40	3352010041	Nguyễn Thị Ngọc Yến	9	6					10			8.6	8.6			

Tổng số: 40 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	3	7.50
Giỏi	5	12.50
Khá	6	15.00
TB Khá	9	22.50

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Trung bình	10	25.00
Không đạt	7	17.50
Miễn	0.00	0

Tp. HCM, ngày tháng năm

Trưởng Khoa

Giáo viên bộ môn

Giáo Vụ Khoa